

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2022/HSST

Ngày: 29/11/ 2022.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/HSST/2022, ngày 28/10/2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

* Họ và tên: **H**, sinh năm: 1990; Tại: tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; con ông: T, sinh năm 1958 và con bà N, sinh năm: 1956, cư trú tại thôn A, xã S, huyện K, Đắk Lắk.79; bị cáo có vợ là H, sinh năm 1992, cư trú tại thôn A, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang được tại ngoại (*Có mặt tại phiên tòa*).

- Người bị hại: Ông T, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn B, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà H, sinh năm 1958. Trú tại: Thôn B, Ea M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông S, sinh năm 1971. Trú tại: thôn C, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

2. Ông A, sinh năm 1979. Trú tại: thôn B, M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Bà C, sinh năm 1970. Trú tại: thôn C, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

H với V là người nghiện ma túy, nên để có tiền mua ma túy sử dụng, V và H rủ nhau đi tìm nhà người dân sơ hở trong việc trông coi, bảo quản tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp bán lấy tiền. Khoảng 13 giờ, ngày 12/10/2021, H điều khiển xe mô tô biển số 47F1 – 629.37 chở V theo hướng từ thị trấn E đi xã Ô, huyện K để tìm kiếm. Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, khi đi đến thôn B, xã M, huyện K phát hiện nhà ông T đang mở cửa nên V nói H dừng xe mô tô cách nhà ông T khoảng 20m đứng ngoài cảnh giới còn V đi bộ vào nhà ông T trộm cắp tài sản. Lúc này bà C ở gần nhà ông T, nghi ngờ V và H là đối tượng trộm cắp nên theo dõi. Khi vào trong nhà, V nhìn thấy bà H (mẹ ông T) đang nằm ngủ, trên bàn học phía trong phòng ngủ có để 01 máy tính xách tay, màu trắng bạc nên đi đến lấy máy tính bỏ vào áo khoác rồi đi ra chỗ H đứng đợi thì bị bà C phát hiện và tri hô “cướp, cướp”, lúc này có ông A và ông S nghe thấy nên chạy lại đuổi bắt được V cùng tang vật, còn H bỏ xe mô tô lại và bỏ chạy, sau đó vào thành phố Bình Dương sống lang thang làm thuê, đến ngày 17/8/2022 ra đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Ea Kar.

Vật chứng thu giữ được: 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP, core i3, gam 4GB, màu trắng bạc; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , biển số 47F1 – 629.37, màu sơn trắng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 59, ngày 14/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP, loại 15s – fq1xx, core i3, trị giá 7.900.000đ (bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 63, ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu sơn trắng, biển số 47F1 – 629.37, trị giá 13.700.000đ (mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 58/CT-VKS, ngày 28/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận: Do muốn có tiền mua ma túy để sử dụng nên vào khoảng 13 giờ 45 phút ngày 12/10/2021, tại thôn B, xã M, huyện K, H và V đang có hành vi trộm cắp của gia đình ông T 01 máy tính xách tay, màu trắng bạc thì bị người dân phát hiện bắt quả tang.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 9 đến 12 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về vật chứng vụ án: Đối với 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP, core i3, gam 4GB, màu trắng bạc đã được xử lý tại bản án hình sự số 05/2022/HSST, ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar nên không đề cập giải quyết.

- Giao 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Ware α , biển số 47F1 – 629.37, màu sơn trắng đứng tên H cho Công ty tài chính TNHH MTV Q để xử lý tất toán khoản vay của bị cáo H.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Ông T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đề cập để giải quyết.

Phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì thêm, Tại phần nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 45 phút, ngày 12/10/2021, H cùng với V lén lút chiếm đoạt của ông T 01 máy tính xách tay với giá trị là 7.900.000 đồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý khẳng định hành vi của bị cáo H đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét hành vi trộm cắp của bị cáo và V gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức được rằng tài sản của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Song, bị cáo là người nghiện ma túy, muốn có tiền để sử dụng nên đã cùng với V thực hiện hành vi phạm tội. Tham gia vụ án bị cáo là người dùng xe mô tô của mình chở V đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp, thời điểm trộm cắp 01 máy tính xách tay của ông T, bị cáo đứng ngoài cảnh giới để V đi vào nhà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xét hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản của người bị hại mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; người phạm tội đầu thú; bị cáo là người dân tộc thiểu số. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với hành vi trộm cắp của V, đã được giải quyết bằng Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HSST, ngày 22/02/2022, nên không đề cập giải quyết.

Đối với xe mô tô biển số 47F1 – 629.37 là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nhưng đang là tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 64410001946965000, ngày 14 tháng 08 năm 2021 giữa bị cáo H với Công ty tài chính TNHH MTV Q. Do đó, căn cứ Điều 14 của Nghị quyết số 42/2017/QH14, ngày 21/06/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng,

cần trả lại cho Công ty tài chính TNHH MTV Q để xử lý tất toán khoản vay của bị cáo H.

Về phần dân sự của vụ án: Người bị hại ông T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đề cập để giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Điều 14 của Nghị quyết số 42/2017/QH14, ngày 21/06/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

Tuyên bố: Bị cáo H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Xử phạt: Bị cáo H 8 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt, tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng vụ án: 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP, core i3, gam 4GB, màu trắng bạc đã được xử lý bằng Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HSST, ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, nên không đề cập giải quyết.

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Ware α , biển số 47F1 – 629.37, màu sơn trắng đứng tên H cho Công ty tài chính TNHH MTV Q để xử lý thu hồi nợ vay, cùng lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 64410001946965000, ngày 14 tháng 08 năm 2021.

- Về phần dân sự của vụ án: Ông T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đề cập để giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc Kt1- TANDTC
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- T.H.A.H.S CA huyện K;
- CQ CSĐT CA huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Trí Lý